

Bản án số: 30/2023/HS-ST  
Ngày 24-8-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Luân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Hoàng Diệt
2. Ông Đặng Duy Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Văn T, sinh ngày 17-02-1992; nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn H và bà Cao Thị C; có vợ: Lâm Kim L và 02 (Hai) con (lớn sinh năm 2014 và nhỏ sinh năm 2015); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 03-02-2023 (Bị cáo có mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Văn S; là Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

**- Bị hại:** Nguyễn Thành V, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**- Người đại diện hợp pháp bị hại:**

1. Ông Nguyễn Văn V1; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.
2. Bà Phan Thị Diệu Á; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của các đại diện hợp pháp bị hại:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 13-6-2023 (có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lưu Văn H, sinh năm: 1953; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Cao Thị C, sinh năm: 1954; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

*- Người làm chứng:*

1. Nguyễn Minh T1, sinh năm: 1991; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Lưu Văn M, sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Phạm Văn H1, sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Trịnh Trung H2, sinh năm: 1983; nơi cư trú: ấp M, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01-12-2022, Lưu Văn T tổ chức uống rượu tại nhà thuộc ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cùng với ông Lưu Văn H, Lưu Văn M, Phạm Văn H1, Nguyễn Minh T1 và Trịnh Trung H2. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, giữa T1 và H2 xảy ra mâu thuẫn cãi nhau và được mọi người can ngăn, H1 chủ động đưa T1 về nhà. Sau khi về nhà, T1 kêu em ruột là Nguyễn Thành V điều khiển xe mô tô chở T1 quay lại nhà T. Khi đến trước nhà của ông Bảy R ngang sông đối diện nhà T, T1 và V xuống xe, đi xuống mé sông đứng. Lúc này, T sợ T1 và V đến gây chuyện nên T lấy cây dao yếm (loại dao dùng để bằm chuối) để trên mũi phà, rồi kéo phà đi qua gặp T1 và V. Trong lúc nói chuyện với T1 và V thì xảy ra mâu thuẫn đánh nhau làm T té xuống phà, T cầm dao đâm thẳng vào vùng bụng của V, V đưa tay phải ra đỡ thì trúng vào vùng đùi bên phải của V gây thương tích, T bị 02 (hai) vết rách da ở cẳng tay trái, sau đó T đi về nhà, T1 đưa V đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đ đến ngày 08-12-2022 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 33/TgT-PY ngày 16-01-2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh S kết luận đối với Nguyễn Thành V: Sẹo phần mềm mặt trước đốt gần ngón V tay phải, kích thước nhỏ, chức năng ngón V không bị hạn chế, bờ mặt vết sẹo sắc gọn. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01% (một phần trăm); Sẹo do bị đâm và sẹo phẫu thuật tạo mồn cụt 1/3 giữa đùi phải trùng nhau, kích thước lớn. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (Ba phần trăm); Mồn cụt 1/3 giữa đùi phải. Tỷ

lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 65% (sáu mươi lăm phần trăm). Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y hiện tại là: 66% (sáu mươi sáu phần trăm). Nếu không tính sẹo phẫu thuật thì tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 65% (sáu mươi lăm phần trăm). Kết luận khác: Các tổn thương do vật có cạnh sắc nhọn, gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 150/KLTTCT-TTPYST ngày 04-4-2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh S kết luận đối với Lưu Văn T: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y là 02% (hai phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 161/2023/KLGD, ngày 28-4-2023 của Trung tâm P, kết luận đối với Nguyễn Thành V: Về y học tại thời điểm xảy ra sự việc và hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD10); về năng lực tại thời điểm xảy ra vụ việc và hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M có thu giữ vật chứng: 01 (một) cây dao yếm, cán bằng gỗ tròn, dài 19cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản dao rộng 07cm, mũi nhọn, một bề sắc đã chuyển cho Chi cục Thi hành án quản lý để đảm bảo quá trình xét xử và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thành V và đại diện hợp pháp yêu cầu Lưu Văn T bồi thường với tổng số tiền là 119.611.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, sáu trăm mười một nghìn đồng). Lưu Văn T đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại tính đến thời điểm trước khi mở phiên tòa được số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng) .

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-MT ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo Lưu Văn T về “Tội Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố; đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Thành V trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo có đến thăm hỏi và hỗ trợ khắc phục hậu quả, tính đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã bồi thường được số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng) . Tuy nhiên, hiện tại vết thương vẫn còn ảnh hưởng đến sức khỏe của bị hại trong việc đi lại nên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm chi phí thuốc thang, toa vé, lắp chân giả, tổn thất tinh thần và thu nhập thực tế bị mất và giảm sút với tổng số tiền là 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng) và tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp bị hại thống nhất lời trình bày của bị hại là yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm chi phí thuốc thang,

toa vé, lắp chân giả, tổn thất tinh thần và thu nhập bị mất và giảm sút với tổng số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng) và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn H và bà Cao Thị C thống nhất trình bày số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng) đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại là của ông, bà tự nguyện hỗ trợ cho bị cáo T và không yêu cầu bị cáo T trả lại.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú giữ nguyên Cáo trạng, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lưu Văn T phạm “Tội Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; tuyên phạt bị cáo Lưu Văn T từ 08 năm tù đến 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo với bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại buộc bị cáo bồi thường thêm cho bị hại tổng số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng). Về vật chứng, tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao yếm, cán bằng gỗ tròn, dài 19cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản dao rộng 07cm, mũi nhọn, một bề sắc. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa: Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi gây thương tích cho bị hại, lời trình bày của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án; lời của bị hại và những người làm chứng nên người bào chữa thống nhất nội dung Cáo trạng đã truy tố hành vi của bị cáo. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ nên Người bào chữa thống nhất. Tuy nhiên, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị tuyên phạt bị cáo mức hình phạt từ 08 năm đến 09 năm tù thì người bào chữa chưa thống nhất. Bởi lẽ, đối với bị cáo T là người con, người cháu trong gia đình có truyền thống cách mạng, bị cáo hiếu thảo chăm lo làm ăn để lo cho vợ và con, chỉ vì sự nóng nảy đã có hành vi vi phạm. Mặc khác, trong vụ án này, cũng cần xem xét toàn bộ diễn biến vụ việc mặc dù chưa đủ chứng cứ xử lý hành vi của T1, nhưng hành vi của T1 cũng góp phần dẫn đến hậu quả cho bị hại vì đã kêu V điều khiển xe quay lại nhà bị cáo và có những thái độ khiêu khích. Ngoài ra, đối với bị cáo T thường xuyên đi làm, ít tiếp xúc với V nên không biết rõ bị hại V bị hạn chế khả năng, trong khi từ trước đến nay bị hại vẫn sinh hoạt bình thường do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cần thận trọng xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Kiểm sát viên đề nghị. Mặt khác, kính mong Hội đồng xét xử

xem xét mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng tại phiên tòa bị cáo T đã thể hiện sự ăn năn về hành vi của bị cáo nên đồng ý toàn bộ yêu cầu bồi thường của gia đình bị hại. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 chuyển khung hình phạt và xử phạt bị cáo T 05 năm tù cũng đủ để răn đe và giáo dục bị cáo.

Trong phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo Lưu Văn T xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, xét thấy trong thời gian chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn H có nộp các biên nhận khắc phục hậu quả cho bị hại và trên biên nhận có thể hiện số tiền khắc phục hậu quả là của bà Cao Thị C. Căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử quyết định đưa bà Cao Thị C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án, trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 17 giờ ngày 01-12-2022, xuất phát từ mâu thuẫn trong lúc uống rượu tại nhà của bị cáo T, sau khi được đưa về nhà, T1 tiếp tục kêu em ruột là bị hại V điều khiển xe mô tô chở T1 quay lại nhà bị cáo T, khi đến trước nhà của ông B1 Riều ngang sông đối diện nhà bị cáo T thì T1 và V xuống xe, đi xuống mé sông đứng. Lúc này, bị cáo T sợ T1 và V đến gây chuyện nên bị cáo lấy dao yếm (loại dao dùng để bằm chuối) để trên mũi phà đi qua gặp T1 và V. Trong lúc nói chuyện với T1 và V, xảy ra mâu thuẫn đánh nhau làm bị cáo T té xuống phà nên bị cáo T cầm dao đâm trúng vào vùng đùi bên phải của V gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 65%. Xét hành vi của bị cáo T dùng dao yếm gây thương tích cho bị hại V nên thuộc tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; đồng thời tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại V do thương tích gây nên là 65% nên hành vi của bị

cáo T đã đủ yếu tố cấu thành “Tội Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét thấy, bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức được sức khỏe, thân thể của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm hại, gây tổn hại đến sức khỏe, thân thể của người khác đều bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng xuất phát từ việc xảy ra mâu thuẫn đánh nhau trong lúc nói chuyện với T1 và V mà bị cáo đã dùng dao yếm là hung khí nguy hiểm đâm gây thương tích tại vùng đùi phải của bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể 65%. Như vậy, hành vi của bị cáo T là rất nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe và thân thể của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Nghiêm trọng hơn, hành vi của bị cáo đã để lại hậu quả nặng nề cho bị hại là phải mất một chân vĩnh viễn. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo T mức án nghiêm khắc mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 161/2023/KLGD, ngày 28-4-2023 của Trung tâm P, kết luận tại thời điểm xảy ra sự việc và hiện tại bị hại Nguyễn Thành V có bệnh lý tâm thần chậm phát triển tâm thần nhẹ; hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Như vậy hành vi của bị cáo T đã gây thương tích cho bị hại V là người đang mắc bệnh hạn chế khả năng nhận thức nên hành vi của bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng “phạm tội đối với người bị hạn chế khả năng nhận thức” theo điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng); trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của bị hại thêm số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng) thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội; tại phiên tòa được bị hại và đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ; bị cáo có bà ngoại và cậu ruột tham gia cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo T với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự hung hăng và xem thường pháp luật, hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang cho người dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương trong việc phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm nói chung trong xã hội. Tuy nhiên,

khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định tại Đoạn [5] và [6] nêu trên để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo T mức hình phạt từ 08 năm tù đến 09 năm tù là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo T với bị hại V và đại diện hợp pháp của bị hại đã thống nhất thỏa thuận bị cáo T bồi thường thêm cho bị hại V tổng số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng). Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo T với bị hại V và đại diện hợp pháp của bị hại. Ngoài ra, đối với số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng) đã khắc phục hậu quả cho bị hại V, tại phiên tòa ông Lưu Văn H và bà Cao Thị C thống nhất không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Xét thấy vật chứng của vụ án là 01 (một) cây dao yếm, cán bằng gỗ tròn, dài 19cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản dao rộng 07cm, mũi nhọn, một bề sắc hiện tại không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo T là người bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường là 11.750.000 đồng (Mười một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[11] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú đề nghị về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ như đã nhận định tại các phần nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo; xem xét bị cáo T đã có thiện chí khắc phục toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của phía gia đình bị hại; bị cáo đã thật sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc việc áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo thì thấy rằng theo quy định của điều luật đã nêu rõ là “phạm tội đối với người bị hạn chế khả năng nhận thức” chứ không quy định “phạm tội đối với người mà mình biết bị hạn chế khả năng nhận thức”. Mặt khác, tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 161/2023/KLGĐ, ngày 28-4-2023 của Trung tâm P, đã kết luận tại thời điểm xảy ra vụ việc bị hại Nguyễn Thành V có bệnh lý tâm thần chậm phát triển tâm thần nhẹ; hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ

sung năm 2017 đối với bị cáo là có căn cứ. Ngoài ra, tại phiên tòa người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 chuyển khung hình phạt đối với bị cáo và tuyên xử phạt bị cáo 05 năm tù là chưa có đủ cơ sở, bởi theo Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có thể xem xét khi có đủ điều kiện có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng trong vụ án này bị cáo phạm tội còn có một tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 và hơn nữa hậu quả mà bị cáo gây ra cho bị hại phải mất vĩnh viễn một chân là rất nặng nề. Vì vậy, việc người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 chuyển khung hình phạt đối với bị cáo và tuyên xử phạt bị cáo 05 năm tù là không đủ răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm d khoản 4 Điều 134; điểm k khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bị cáo Lưu Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”.
2. Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03-02-2023.
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lưu Văn T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành V tổng số tiền là 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao yếm, cán bằng gỗ tròn, dài 19cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản dao rộng 07cm, mũi nhọn, một bề sắc.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lưu Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.750.000 đồng (Mười một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:*

- Bị cáo;
- Bị hại, ĐDHPBH;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- Chi Cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Luân**

**(Đã ký)**